TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Biên Cương;

- Ông Sa Quang Phụng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lưu Hoa Quỳnh- Cán bộ Toà án nhân dân huyện V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Chị **Ngân Thị B**, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Bản V, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

2, Bị đơn: Anh **Ngân Văn P**, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Bản V, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Ngân Thị B trình bày: Chị và anh Ngân Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04-02-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Xã G,, huyện V. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Bản Van, xã G, huyện V. Trong cuộc sống vợ chồng do tính tình không hợp, anh P có quan hệ ngoại tình, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau từ tháng 01/2017 đến nay chị B và anh P đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị B xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Ngân Thị B trình bày chị và anh P có hai con chung là Ngân Mai N, sinh ngày 05-6-2011 và Ngân Trung V, sinh ngày 15-6-2015. Con Ngân Mai N trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ.

Chị B xin được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con; nếu không được chị B xin được nuôi con Ngân Mai N giao cho anh P trực tiếp nuôi con Ngân Trung V . Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Ngân Văn P không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xác minh thể hiện chị Ngân Thị B và anh Ngân Văn P có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình chung sống chị B và anh P hay xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn. Anh P thường đi làm xa, không có mặt tại địa phương thỉnh thoảng về nhà một vài ngày lại đi, không để lại địa chỉ ở đâu, khi ở thôn có việc trưởng thôn đã gọi điện thông báo cho anh P biết. Chị B làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngân Thị B: Xử cho chị Ngân Thị B được ly hôn với anh Ngân Văn P. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử giao con chung là Ngân Mai N, sinh ngày 05-6-2011 và Ngân Trung V, sinh ngày 15-6-2015 cho Chị Ngân Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST- HNGĐ

ngày 28 tháng 8 năm 2018 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Ngân Văn P vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị Ngân Thị B không yêu cầu hoãn phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Ngân Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04-02-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Xã G,, huyện V. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Bản V, xã Xã G, huyện V. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, từ tháng 01/2017 chị B và anh P sống ly thân. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị B xác định chị và anh P không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn.

Qua xác minh nơi cư trú của anh P và chị B xác nhận trong thời gian anh chị chung sống nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 01/2017 chị B và anh P sống ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị B và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B và anh P sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 01-2017 đến nay, xét yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ, được chấp nhận. Xử cho chị Ngân Thị B được ly hôn anh Ngân Văn P theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh P có hai con chung là Ngân Mai N, sinh ngày 05-6-2011 và Ngân Trung V, sinh ngày 15-6-2015. Con Ngân Mai N trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Chị B xin được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, Anh P vắng mặt tại địa phương và vắng mặt tại Tòa án không có lý do, việc chị B đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con là hoàn toàn chính đáng, nếu giao một con cho anh P nuôi dưỡng không đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên; Hội đồng xét xử xét thấy nên cần thiết phải xử giao cả hai con cho chị B nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi của các con.

[4] Các vấn đề khác:

Về án phí: Nguyên đơn Ngân Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngân Thị B ly hôn anh Ngân Văn P.

2. Về con chung: Giao cả hai con con Ngân Mai N, sinh ngày 05-6-2011 và Ngân Trung V, sinh ngày 15-6-2015 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngân Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngân Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số: AA/2013/04128 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V; chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã G, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

Trần Thành Long